

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Út Hậu
- Ông Hồ Quốc Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: khu vực Bình H, phường Trường L, quận Ô M, thành phố CT.

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh H, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: khu vực Bình H, phường Trường L, quận Ô M, thành phố CT.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Diễm H trình bày: Vào năm năm 2018, chị với anh Dương Thanh H quen biết nhau, được cha mẹ hai bên tác hôn, sau đó có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Thời gian vợ chồng chung sống, chị H và anh H có 2 người con chung tên Dương Thị Thanh Trúc, sinh ngày 26/12/2019 và Dương Lê Thiên Phúc, sinh ngày 05/3/2022, hiện tại chị H đang nuôi dưỡng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi có hai đứa con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm quan tâm với vợ con, làm được chỉ lo bản thân, còn chị H phải đi làm lo cho các con. Từ đó ngày càng mâu thuẫn, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, qua đó hai người đã ly thân hơn một năm qua. Nay, chị H nhận thấy cuộc hôn nhân của vợ chồng không đi đến tốt đẹp, mục đích hôn nhân không đạt nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh H

Về con chung: hiện hai cháu đang sống chung với Chị, sau khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thị Thanh Trúc đến tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

- Anh H trình bày: Anh thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đuổi anh ra khỏi nhà. Nay, anh H đồng ý ly hôn với chị H

Về con chung: Anh yêu cầu chị H giao cháu Dương Thị Thanh Trúc, sinh ngày: 26/12/2019 cho anh nuôi dưỡng đến trưởng thành. Nếu chị H không chịu giao thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Diễm H với anh Dương Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, chị H có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết quyền nuôi con, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do các bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đồng thời hai người đã ly thân thời gian khá lâu khoảng hơn một năm, theo như chị H trình bày thì tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã cố gắng hòa giải cho đôi bên đoàn tụ nhưng các bên vẫn nhất quyết ly hôn. Xét hạnh phúc của hôn nhân phải do các bên tự nguyện, tôn trọng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo các quy định của pháp luật, qua đó mục đích hôn nhân mới đạt được. Tuy nhiên, nay các bên không còn tự nguyện để duy trì mối quan hệ nhân nên tòa án xét thấy cần ghi nhận, tôn trọng sự quyết định của đôi bên.

[3]. Về con chung: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H có yêu cầu nuôi cháu Trúc, tuy nhiên, nhận thấy cháu Trúc hiện tại đang sống cùng em nhỏ và chị H đã hơn năm qua, việc ăn uống sinh hoạt, học tập đều do chị H lo liệu, cuộc sống của cháu đang ổn định, vì vậy không dễ làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của các cháu, nên cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H khai nhận đang làm bảo mẫu thu nhập mỗi tháng gần 10 triệu đồng, về phía anh H thì có chứng minh được thu nhập của anh hiện tại mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng. Xét thấy, anh H không trực tiếp nuôi con nhưng có thu nhập tương đương với chị H, do vậy, để đảm bảo điều kiện phát triển cuộc sống cho các cháu, cần buộc anh H có một phần trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trúc đến trưởng thành, với mức cấp dưỡng nuôi con $= 1/2 \times 4.410.000$ đồng/tháng (mức lương cơ bản tối thiểu vùng) $= 2.205.000$ đồng/tháng.

Về ý kiến anh H cho rằng, anh có thu nhập ổn định nên anh được quyền nuôi con. Đồng thời, anh còn khai nhận nếu tòa giao con cho anh nuôi dưỡng, anh sẽ giao cháu cho bà Nội của cháu nuôi dưỡng (bà Nội hiện tại khoảng 60 tuổi) hoặc anh sẽ chuyển đổi nghề để có thời gian chăm sóc cho con. Tuy nhiên về thực tế thì từ khi anh giận chị H bỏ nhà ra đi khoảng hơn năm qua, anh thừa nhận là anh không chu cấp cho con được khoảng tiền nào, và anh cũng ít đến thăm hỏi chăm sóc các cháu, điều này anh chưa làm tròn nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại các Điều 69, 71, 72 Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha mẹ phải có các nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Từ đó, cho thấy những lý do của anh đưa ra là không đủ cơ sở để xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H khai nhận không có và không yêu cầu tòa giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí:

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải chịu 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 69, 71, 72 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Diễm H ly hôn với anh Dương Thanh H

- Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Dương Thị Thanh Trúc và Dương Lê Thiên Phúc đến trưởng thành.

Anh Dương Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thị Thanh T mỗi tháng 2.205.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng) kể từ ngày án hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trúc tròn 18 tuổi.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh H theo quy định chung của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H khai nhận không có và không yêu cầu tòa xem xét, nên tòa chưa xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[2]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị H phải chịu. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002252 ngày 26/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận chị H đã nộp xong).

Anh Dương Thanh H có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[3]. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ
- VKSND Q. Ô Môn
- Chi cục THA Q Ô Môn
- Các đương sự
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Mẫn

